

CANH TÁC RUỘNG BẬC THANG VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG RỪNG CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ Ở LÀO CAI

*ThS. Dương Tuấn Nghĩa
Bảo tàng Tỉnh Lào Cai*

Abstract

With the long history, Hà Nhì minority in Lao Cai have accumulated a system of folk knowledge nature of farming terraces. Farming of Hà Nhì in Lao Cai adapt to the natural environment, do not use scientific techniques (machinery, fertilizer, pesticides ...), utilize the natural resources to make connections between the artificial and natural harmony. This is considered as the core of sustainable environmental protection in the Hà Nhì villages.

With the use of fertilizers mainly from organic nature such as the mode of humus from the jungle, the forest is very precious resource in the supply of tap water support for farming terraces of Hà Nhì. Thus, protecting forests is also protection for their own lives.

But, the population growth and technological application in farming raise challenges to environmental protection towards sustainable development in each highland village. In recent years, the issue of use of chemical fertilizers, pesticides, etc... has become the main cause to break down the balance between social environment and the natural environment in highland villages of Lao Cai. Therefore, we find that tourism development combined with protection of traditional production methods of Hà Nhì will create tourism products which are environmentally friendly.

1. Người Hà Nhì ở Việt Nam và Lào Cai:

Dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến, dân số khoảng 26.000 người, trong đó bao gồm hai nhóm ngành chính: Hà Nhì hoa và Hà Nhì đen. Người Hà Nhì đen có khoảng 10.000 người, ở tỉnh Lào Cai có gần 4.000 người (cư trú chủ yếu tại các xã Ý Tý, Nậm Pung, Ngải Thầu, A Lù, Trịnh Tường, A Má Sung). Ngoài ra, người Hà Nhì đen còn sinh sống ở huyện Sìn Hồ khoảng hơn 3.000 người, huyện Phong Thổ hơn 2.900 người. Ngoài ra, nhóm Hà Nhì hoa lại cư trú chủ yếu ở các xã, huyện của tỉnh Lai Châu có khoảng hơn 10.000 người và tỉnh Điện Biên có khoảng 5.500 người.

Thời kỳ phong kiến, dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam được gọi với nhiều tên khác nhau như: U Ní, Xá U Ní... mang đầy tính miệt thị nên những tên gọi này không được đồng bào Hà Nhì chấp nhận, mà họ tự xưng họ là Hà Nhì già (người Hà Nhì), sau này khi nhà nước Việt Nam được thành lập (năm 1945) thì người Hà Nhì được thống nhất với một tên gọi chung là dân tộc Hà Nhì. Dựa trên đặc trưng của trang phục và ngôn ngữ, văn hoá truyền thống mà các nhà nghiên cứu dân tộc học đã

chia dân tộc Hà Nhì ra làm hai nhóm ngành khác nhau là nhóm Hà Nhì Hoa và Hà Nhì Đen. Trong đó, nhóm Hà Nhì Hoa gồm hai ngành là Hà Nhì Cồ Chồ và Hà Nhì Lạ Mí cư trú chủ yếu ở các khu vực của hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu; người Hà Nhì đen cư trú chủ yếu ở tỉnh Lào Cai, một số khác cư trú ở Lai Châu và Điện Biên (như đã giới thiệu ở trên).

2. Dân số và nguồn gốc lịch sử tộc người

2.1. Dân số và tình hình phân bố dân cư:

Người Hà Nhì ở Việt Nam gồm hai nhóm ngành chính: Hà Nhì hoa và Hà Nhì đen. Người Hà Nhì đen có khoảng 10.000 người, ở tỉnh Lào Cai có gần 4.000 người (cư trú tại các xã Ý Tý, Nậm Pung, Ngải Thầu, A Lù, Trịnh Tường, A Má Sung). Ngoài ra, người Hà Nhì đen còn sinh sống ở huyện Sìn Hồ (3210 người), huyện Phong Thổ (2733 người). Người Hà Nhì hoa ở Mường Tè, tỉnh Lai Châu (10.460 người), huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên (5.500 người).

2.2. Nguồn gốc lịch sử tộc người:

Người Hà Nhì ở Việt Nam hiện nay có 3 chi hệ là: Hà Nhì Cồ Chồ, Hà Nhì Lạ Mí và Hà Nhì đen, sự phân chia này của các nhà nghiên cứu dân tộc học chủ yếu dựa vào đặc trưng ngôn ngữ, phong tục tập quán, trang phục và đặc điểm nơi cư trú. Tuy nhiên, người Hà Nhì ở Việt Nam còn được nhiều nhà nghiên cứu chia thành hai loại chính là người Hà Nhì Hoa (địa bàn cư trú của họ là ở một số huyện, xã của tỉnh Lai Châu và Điện Biên) và người Hà Nhì Đen (địa bàn cư trú chủ yếu là ở các xã của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai).

Trong bài nghiên cứu về “nguồn gốc của người Hà Nhì ở Việt Nam” của giáo sư “Dương Lục Kim và giáo sư Hứa Mẫn”¹. Trong phần đầu của bài viết về dân tộc Hà Nhì ở Trung Quốc và Việt Nam, hai giáo sư đã có những nhận xét như sau:

“Dân tộc Hà Nhì là một dân tộc xuyên quốc gia. Trong nội dung của truyền thuyết, nguồn gốc, tự xưng dân tộc, thiên di và phả hệ phụ tử liên danh đã nói lên họ và người Hà Nhì ở Trung Quốc có cùng một nguồn gốc, hơn nữa họ lại thiên di đến Việt Nam từ phía nam của Vân Nam và phía bắc của nước Lào. Cuộc thiên di diễn ra sớm nhất vào trước thế kỷ thứ 8 sau công nguyên, các cuộc di cư liên tục diễn ra cho đến khi nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949. Cũng chính từ những cuộc di cư không ngừng này mà cuối cùng đã hình thành ra dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam và hiện trạng phân bố như hiện nay”.

¹ GS Dương Lục Kim - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hà Nhì của Học viện Hồng Hà, Vân Nam, Trung Quốc và GS Hứa Mẫn – giám đốc Bảo tàng học viện Hồng Hà, Vân Nam, Trung Quốc.

Trong cuốn sách “Giản sử dân tộc Hà Nhì”² viết: “Từ nhà Đường, Tống đến giữa thời Diệp Gia Khánh của nhà Thanh, người Hà Nhì đã có sự cư trú phân tán đến rất nhiều các vùng khác nhau, trong đó có vùng núi Ai Lao, núi Lục Chiêu và phân tán ở bờ sông tiếp giáp với Việt Nam và vùng hạ lưu Lễ Xã. Sau đời Gia Khánh chiều đại nhà Thanh (1796 – 1820) trong tư liệu không còn thấy ghi chép gì nữa”.

Như vậy có thể thấy, người Hà Nhì có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, ngày từ thời nhà Đường (618 – 907). Mặc dù các cuộc di cư đến Việt Nam diễn ra không lớn, nhưng lại diễn ra liên tục không ngừng. Các nhóm người Hà Nhì di cư đến Việt Nam sinh sống một thời gian rồi lại quay lại Trung Quốc. Điều này chứng minh một điều, trong tâm trí của người Hà Nhì khái niệm về đường biên giới, lãnh thổ quốc gia hầu như không tồn tại hoặc có thì cũng hết sức đơn giản. Mục đích di cư của họ chủ yếu xuất phát từ các cuộc tranh chấp đất đai của các tộc người lớn hơn, tránh các cuộc chiến tranh... chính vì thế mà họ thường thành lập các đoàn người đi tìm những vùng đất mới để sinh trụ, trải qua một thời gian cư trú nếu ở nơi cũ yên ổn họ lại quay về tiếp tục sinh sống, nếu không thì họ sẽ chuyển đến các vùng đất mới.

Ở Việt Nam để tìm hiểu về nguồn gốc của người Hà Nhì là rất khó, bởi trong các cuối sử ký đều rất ít ghi chép lại, mà ngay bản thân dân tộc cũng không có văn tự. Do đó mà không có sự ghi chép nào lưu truyền lại cho hậu thế. Nhưng từ những tư liệu mang tính truyền khẩu một cách rộng rãi và từ những tư liệu rải rác khác còn ghi chép lại cả ở trong nước và nước ngoài thì có cũng có thể bước đầu đưa ra kết luận về người Hà Nhì ở Việt Nam là có nguồn gốc từ Trung Quốc, là một thành phần dân tộc của Trung Quốc từ thời cổ đại. Trong sử sách của các triều đại ở Trung Quốc cũng ít khi ghi chép lại nguồn gốc của dân tộc Hà Nhì cũng như những đặc trưng văn hoá của người Hà Nhì, do đó việc tìm hiểu về nguồn gốc của họ là rất khó khăn.

Nguồn gốc của dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam là từ quần tộc Đê Khương cổ đại của Trung Quốc. Trong cuốn hồ trợ bách khoa của Trung Quốc và trong sử sách cổ cũng có ghi lại là: “Dân tộc Đê Khương hay còn gọi là dân tộc Khương là quần thể dân tộc lâu đời nhất của đất nước Trung Hoa, cuộc sống của họ có sớm nhất là ở thượng lưu giữa sông Hoàng Hà và sông Vị, đời sống phồn thịnh. Sau đó họ chia ra 4 hướng để di cư đi và sinh sống cùng với các dân tộc bản địa khác, dần dần hình thành lên một quần tộc mới. Thời kì Vĩnh Gia làm loạn cuối Tây Phô, tộc Đê tham gia vào “Ngũ Hồ loạn hoa”, sau đó đã xây dựng lên tiền Tần, Cừ Trì, hậu

² “Giản sử dân tộc Hà Nhì”. NXB Dân tộc Bắc Kinh, năm 2008. Trang 17

Lương...Đến thời nhà Đường, dân tộc Khương cơ bản du nhập vào với dân tộc Hán. Tuy nhiên, ở đây không thấy nói đến người Đê Khương, không có bộ phận nào của người Đê Khương lên người Hà Nhì, mà chỉ nói là đã hình thành lên những quần tộc người mới.

Tuy nhiên, vấn đề xác định nguồn gốc dân tộc Hà Nhì sẽ còn phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu để nghiên cứu sâu hơn nữa để có thể xác định được lịch sử của họ ở Việt Nam, bởi trong sử sách của Việt Nam không ghi chép lại một cách rõ ràng. Bởi dân tộc Hà Nhì di cư đến các địa danh khác nhau của Việt Nam cư trú được diễn ra với nhiều giai đoạn khác nhau, các cuộc di cư này cũng không được diễn ra một cách rộng lớn, số lượng các gia đình di cư sang cũng diễn ra một cách lẻ tẻ, không lớn. Theo một số cụ già trong thôn Lao Chải, Chuản Thèn... kể lại thì đoàn đầu tiên di cư đến Ý Tý, Chuản Thèn rất ít, chỉ có 5 - 6 gia đình, họ cư trú ở đây một thời gian rồi một số gia đình lại tiếp tục chuyển đến A Lù và một số vùng đất khác. Sau một thời gian dài sinh sống ổn định ở vùng đất mới thì các đoàn khác cũng theo đó mà di cư sang. Để biết được các dòng họ này di cư sang Việt Nam được bao nhiêu đời, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu điều tra về một số dòng họ được coi là đầu tiên của thôn Lao Chải và Chuản Thèn, xã Ý Tý thông qua phương pháp đặt tên giống như một cách “ghi chép gia phả” của người Hà Nhì.

Các dòng họ được tiến hành nghiên cứu gồm: Dòng họ Lý, Phu, Tráng (Trang), Sờ và dòng họ Chu.

1. Dòng họ Trang:

1. Trang Sá Gà
2. Trang Gà Sá
3. Trang Sá Suy
4. Trang Suy Gió
5. Trang Gió Se
6. Trang Se Mờ

2. Dòng họ Chu:

1. Chu Giờ Suy
2. Chu Suy Đế
3. Chu Đế Dờ
4. Chu Dờ Gió – 70 tuổi (EGO)
5. Chu Gió Cà
6. Chu Cà Sa

3. Dòng họ Lý

1. Lý Gì Giờ
2. Lý Giờ Mờ
3. Lý Mờ Gà
4. Lý Gà Đế
5. Lý Đế Giờ
6. Lý Giờ Có
7. Lý Có Mù

4. Dòng họ Phu:

1. Phu Chu Ho
2. Phu Ho Sá
3. Phu Sá Mờ
4. Phu Mờ Sề
5. Phu Sề Gió (Dó)
6. Phu Gió Che
7. Phu Che Cà
8. Phu Cà Giá

Theo cách tính năm cho mỗi đời của các nhà nghiên cứu dân tộc học, nhân loại học... thì lấy mỗi đời nhân với bình quân 25 năm sẽ ra thời gian cư trú của mỗi dòng họ. Như vậy, các dòng họ đã được tiến hành điều tra sẽ có lịch sử từ 150 năm - 200 năm, cũng có một số dòng họ có lịch sử lâu hơn 8 đến 10 đời và lịch sử cư trú của họ vào khoảng 200 - 300 năm.

Cũng theo báo cáo khảo sát của Giáo sư Dương Lục Kim thì Tháng 10 năm 1999, ông đến khảo sát người Hà Nhì tại xã Thổ Dao Sơn của huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu, ông Kim đã đến phỏng vấn một gia đình họ Lý, đây được coi là dòng họ lâu đời nhất của thôn. Ông Lý kể lại: “lúc đầu tiên đến đây chỉ có 11 hộ, họ sống ở đây được 20 năm thì họ lại quay về Trung Quốc (cụ thể địa điểm nào của Trung Quốc thì ông không nhớ), quay về Trung Quốc được mấy năm thì họ lại quay lại cư trú ở huyện Phong Thổ cho đến ngày nay. Hiện nay gia tộc nhà ông đã có 80 hộ sinh sống ở tất cả 5 thôn. Ông Lý còn nói, dòng họ nhà ông sống ở đây được 23 đời rồi (đời ông là thứ 22)”³. Nếu tính từ đời bố ông, tức là từ đời thứ 21 (mỗi một đời được tính với 25 năm) thì dòng tộc nhà ông Lý cư trú ở đây cũng được trên dưới 525 năm. Như vậy, thời gian mà dòng họ Lý di cư đến đây vào khoảng giữa thời nhà Minh.

³ GS. Dương Lục Kim – GS. Hứa Mẫn “Nghiên cứu về nguồn gốc dân tộc Hà Nhì Việt Nam”, Khoa học xã hội Văn Nam, số 6 năm 2008.

Có thể nói, để tìm hiểu một cách cụ thể về thời gian người Hà Nhì di cư đến Việt Nam từ năm nào là hết sức khó khăn, bởi người Hà Nhì không có chữ viết riêng, nên không có văn tự ghi chép cũng như gia phả. Do đó, việc tìm hiểu về lịch sử của dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam chỉ mang tính tương đối. Nhưng cho dù họ đến vào thời gian nào đi chăng nữa thì khi họ di cư đến Việt Nam luôn coi Việt Nam là tổ quốc của họ. Luôn phấn đấu vì sự phồn vinh, ổn định và phát triển của xã hội. Chúng ta luôn ghi nhận những đóng góp lớn lao của họ.

3. Canh tác ruộng bậc thang của người Hà Nhì đen ở Lào Cai:

Ruộng bậc thang của người Hà Nhì ở Lào Cai được coi là một trong những loại hình canh tác độc đáo và kỳ vĩ nhất của con người tác động vào giới tự nhiên thông qua bàn tay cần cù và kỹ thuật khai khẩn đất đai được tích lũy qua hàng ngàn năm lịch sử hình thành và phát triển của họ trong môi trường sống đầy khắc nghiệt của vùng núi cao. Là kết quả của mấy trăm năm lịch sử sinh trụ tại vùng núi cao Ý Tý, Lào Cai.

Canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang của người Hà Nhì là kết quả của cả quá trình tồn tại và thích ứng với điều kiện sinh tồn trong môi trường sống hết sức khắc nghiệt của tự nhiên. Môi trường địa lý đặc biệt đã nhào nặn lên quan niệm, phương thức tư duy của họ đối với cuộc sống, quyết định phương thức sản xuất và sinh hoạt trong điều kiện sống thấp kém. Do đó, muốn tìm hiểu về kỹ thuật canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang của người Hà Nhì thì trước tiên phải hiểu được môi trường sinh tồn và điều kiện sản xuất cụ thể của người Hà Nhì.

Người Hà Nhì ở Lào Cai sinh sống chủ yếu ở những nơi có độ cao trung bình từ 800m - 1.200m so với mực nước biển, diện tích rừng già còn nhiều, núi cao, khí hậu mát mẻ về mùa hè, thuận lợi cho sự phát triển của cây trồng (nhất là cây lúa nước). Do mùa đông lạnh giá, nhiệt độ có những thời điểm hạ xuống $-^{\circ}\text{C}$, nhiều năm đã xuất hiện tuyết rơi, hàng năm vào mùa đông thường xuyên có băng giá, mưa đông kết..., điều này trở thành điểm không thuận lợi lớn nhất cho công việc canh tác trên các thửa ruộng bậc thang, do đó mà hàng năm người Hà Nhì chỉ thực hiện trồng cấy một vụ lúa xuân hè duy nhất, sau đó để đất nghỉ cho tới mùa vụ năm sau mới lại tiếp tục công việc canh tác.

Là một dân tộc sống trong môi trường thuần nông, sản xuất nông nghiệp mang tính tự cung tự cấp, kỹ thuật canh tác nông nghiệp vẫn chỉ dựa vào những kinh nghiệm đã được đúc kết từ nhiều đời sống và làm việc tích lũy được, những kinh nghiệm này đã trở thành một loại tri thức dân gian trong sản xuất. Ngay từ khâu

chọn đất để khai phá nương rẫy, ruộng bậc thang người Hà Nhì đã biết áp dụng những kinh nghiệm được cha ông tinh lũy và truyền lại để có được một khu ruộng tốt, phục vụ cho việc canh tác.

Trước đây, cũng giống như một số dân tộc thiểu số khác, người Hà Nhì cũng tập quán sống di cư, mỗi nơi chỉ ở một thời gian (vài mùa trồng cấy) rồi lại chuyển đi nơi khác tiến hành khai phá ruộng nương. Các khu nương đã canh tác lại dễ hoang hóa, cây dại mọc lên, vài năm sau họ lại quay trở lại chặt cây, phát cỏ, đốt nương làm rẫy. Theo lý giải của người Hà Nhì, nếu chỉ trồng cấy trên một khu đất thì hoa màu thu hoạch sẽ không nhiều, cây ngô, lúa... sẽ không lớn, đất trồng đã bạc màu.

3.1. Canh tác ruộng bậc thang với vấn đề bảo vệ rừng:

Như đã nói ở trên, ruộng bậc thang là một loại hình canh tác lâu đời của người Hà Nhì, nó được hình thành phát triển cả về diện tích lẫn kỹ thuật chăm sóc qua từng giai đoạn của lịch sử sinh trụ của người Hà Nhì. Ngay từ khâu chọn đất khai phá ruộng bậc thang đã được người dân tiến hành một cách tỉ mỉ bằng kỹ thuật đã được đúc kết từ nhiều đời nay.

Những yêu cầu trong việc chọn đất làm nương rẫy

Ông Chu Thó Se 75 tuổi - một người có rất nhiều kinh nghiệm trong việc chọn đất làm nương rẫy cho chúng tôi biết: “Trước đây chọn đất phát nương làm rẫy phải là những khu đất giáp với các cánh rừng già, có cây mọc nhiều, thường là thoải theo triền dốc, nhưng không được dốc quá. Ông cũng cho biết một câu thành ngữ “một hòn đá có 2 lạng mỡ” để nói lên việc chọn đất làm nương, ruộng phải như thế nào. Chọn đất nương, ruộng phải tơi xốp, lẫn nhiều đá (loại đá mềm), vì họ cho rằng đất lẫn đá thì sẽ xốp, màu đất đen nâu điều này cho thấy đất ở đây nhiều chất màu do lượng mùn dày, thường xuyên có các nguồn nước từ trong rừng già chảy qua, có như vậy thì đất mới đảm bảo được độ ẩm cho đất khi mùa khô lạnh đến”.

Thời gian chọn đất canh tác, chọn đất phát nương làm rẫy thường được thực hiện vào mùa khô, thông thường công việc phát nương được thực hiện vào tháng 12, sau khi phát xong cây cối được để khô, việc đốt nương được thực hiện vào cuối tháng 12, đầu tháng 1. Một số nơi được thực hiện vào đầu tháng 2 (sau khi đón tết nguyên đán xong). Việc đốt nương rất quan trọng, bởi người Hà Nhì không có thói quen sử dụng các loại phân bón hóa học cho cây trồng, do đó đốt nương sẽ tạo ra một lượng phân bón hữu cơ từ tàn tro đáng kể cho đất. Ông Xe cũng cho biết là người Hà Nhì không có thói quen dùng phân hóa học, mà chủ yếu là phân tự nhiên,

phân hữu cơ từ trên rừng chảy về, phân gia súc. Hơn nữa, việc đốt nương sẽ rất tốt, nó sẽ làm cho các loại cây dại bị chết, sâu bệnh và các loại trứng sâu cũng sẽ bị cháy... góp phần rất lớn cho năng suất của cây trồng.

Để chọn đất làm nương rẫy, ruộng bậc thang thì vấn đề sử dụng những kinh nghiệm đã được đúc kết từ nhiều đời nay là hết sức cần thiết, chỉ cần nhìn qua cũng có thể biết được chất đất ở nơi chọn khai phá là như thế nào. Dưới đây là một số kinh nghiệm trong chọn đất canh tác:

- **Đất nhiều màu:** Đất màu đen có độ tơi xốp, đất mịn có nhiều mùn thối của các loại thực vật (lá cây thối), đất có độ ẩm cao đó là loại đất mà tính chất của ruộng bậc thang cần nhất, có như vậy thì mới có được những thửa ruộng bậc thang xanh tươi trong mùa lúa mới. Đất nhiều màu thường là ở phía dưới những khu rừng già, những khu rừng có nhiều loại gỗ to hay nói cách khác là có rừng đầu nguồn che chắn. thảm thực vật đa dạng khi chết đi tạo thành những lớp mùn dày cho đất, tốt cho cây trồng, nhất là cây lúa, cây ngô.

- **Đất ít màu:** Là loại đất màu đỏ, vàng khi bóp đất có độ khô và có nhiều cát, có nhiều đá nhỏ trong đất, hoặc mềm mịn dẻo. Loại đất này thường thấy ở đồi có ít cây cối vì loại đất này không tốt, không có độ ẩm, không giữ nước tốt được. Cây lúa rất khó sinh trưởng và phát triển được trên chất đất dạng đó. Loại đất này thích hợp với việc trình tường nhà, khai mở phạm vi đất ở của thôn bản.

Chủ ruộng đã chọn được mảnh đất để làm ruộng thì đến ngày khô ráo chuẩn bị dụng cụ đi phát nương, khai khẩn đất canh tác. Khi phát nương mọi người sẽ chặt các loại gỗ to mang về nhà làm củi, những loại cây cỏ dại sẽ dễ khô và đốt. Dọn dẹp xong, chủ nương tập hợp các thành viên trong nhà chuẩn bị dụng cụ; chuẩn bị trâu và cuốc cày. Hôm đi khai, cuốc ruộng phải chọn ngày khô và kiêng đi ngày mất của bố mẹ. Nếu đi vào ngày mất của cha mẹ thì sợ bị trách phạt làm cho không được ăn. Khi đến chỗ mảnh đất đã dọn sạch thì chủ nhà là người cầm cuốc cuốc đất vạc bờ trừ trên cùng trước để tạo thành từng mảnh ruộng nhỏ một. Chủ nhà làm đất trước rồi các thành viên khác mới làm theo cuốc san đất từ trên xuống phía dưới. Đất được dùng bàn san hoặc cuốc kéo san xuống phía dưới để tạo độ bằng cho mặt ruộng, cứ làm như vậy mọi người cuốc đất san đến đâu tạo luôn bờ tới đó. Theo địa hình khu đất đó mà bờ ruộng cong hay thẳng. Bờ ruộng bao giờ cũng được vạc vát để tránh bị sạt đất khi trời mưa to, độ vát khoảng 60 – 70 độ. Lòng ruộng rộng hay hẹp tùy theo từng chỗ, nếu đất bằng thì rộng khoảng 2 sải tay, còn nếu dốc thì khoảng 60 phân đến một sải tay. Lúc cuốc đất thì cuốc từ trên xuống và san từ trong ra để tạo độ bằng cho mặt ruộng và phải làm theo vòng cho mảnh nào thành hình luôn mảnh đó.

Giữa các mảnh có độ rộng hẹp khác nhau là do san đất từ chỗ cao xuống chỗ thấp. Sau khi đã san cho mặt ruộng tương đối bằng phẳng thì mới dùng cuốc cuốc đất để đắp bờ ở phía dưới vì bờ ở phía trên đã được làm ngay từ lúc san kéo đất từ trên cao xuống, không phải đắp bờ nữa. Bắt đầu chủ ruộng hay thành viên khác trong gia đình đắp bờ chạy theo chiều ngang của bãi ruộng. Bờ ruộng được đắp rộng khoảng 20 – 30 cm để cho vừa bàn chân người bước đi lúc chăm sóc cây lúa cũng như lúc thu hoạch. Bờ ruộng được đắp cao hơn mặt ruộng khoảng từ 10 – 20 cm. Bờ ruộng là phần ngăn giữ nước ở trong mỗi ruộng, do đó phải được đắp chắc chắn nếu không sẽ không giữ được nước. Trường hợp mà chủ nhà chọn phải khu đất có nhiều đá thì sẽ dùng các tảng đá to nhỏ đó để kê đắp bờ cho chắc, lần lượt các bờ được người Hà Nhì kê đắp cẩn thận xếp đá cũng giống kiểu xây gạch tạo cho bờ có kết cấu vững chắc không bị sạt bờ. Kỹ thuật vừa xếp đá lại vừa dùng đất bít kín các khe hở giữa các tảng đá với nhau tránh cho tình trạng bị hở không giữ được nước cho ruộng, cây lúa không phát triển tốt. Họ đào đất bờ lên để lấy chỗ xếp đá theo từng hàng một, xếp từ dưới lên và đá to xếp phía dưới cùng. Chiều cao giữa ruộng trên và ruộng dưới tùy thuộc vào chiều dốc của quả đồi, triền núi, nếu độ dốc càng lớn thì chiều cao giữa ruộng trên và ruộng dưới sẽ càng cao và ngược lại nếu khu đất càng phẳng thì chiều cao giữa các ruộng càng thấp, mặt ruộng phẳng hơn, diện tích mỗi thửa ruộng sẽ càng rộng hơn.

Ngay từ khâu chuẩn bị ta đã thấy được trình độ phát triển làm ruộng bậc thang của người Hà Nhì ở Ý Tý. Hệ thống mương máng dẫn nước vào ruộng được thực hiện từ trên cao ruộng thấp, mương dẫn nước được nối với các nguồn nước chảy từ các khu rừng già ra, những dòng nước này sẽ chảy mãi trong mùa vụ canh tác. Nó không chỉ cung cấp nước tưới mà còn là chiếc cầu nối giữa ruộng với kho phân bón tự nhiên từ rừng vào ruộng theo dòng nước.

Do phân bón cho các ruộng là không có, mà chủ yếu dựa vào các khu rừng già... Nên việc đắp bờ, mở lối dẫn nước từ ruộng trên xuống ruộng dưới cũng phải được làm theo một quy trình, có như vậy mới đảm bảo cho cây lúa ở các khu ruộng luôn phát triển tốt. Theo khảo sát và theo kinh nghiệm của người dân Hà Nhì, các lối dẫn nước này luôn được làm so le nhau, nếu ruộng trên lối dẫn nước vào bên phải thì lối dẫn nước xuống ruộng dưới phải nằm bên trái, có như vậy thì phân bón từ rừng trên không bị chảy hết xuống ruộng dưới.

Có thể nói, canh tác ruộng bậc thang của người Hà Nhì là cả một hệ thống tri thức về canh tác nông nghiệp đã được đúc kết từ hết đời này đến đời khác. Từ chọn đất, quá trình khai khẩn ruộng bậc thang, cày bừa, tháo nước ngâm ủ tạo mùn cho

ruộng, đắp bờ giữ nước, ngâm giống, gieo mạ, cày bừa cấy, chăm sóc,...để có một mùa vụ bội thu thì người dân Hà Nhì phải trải qua rất nhiều các công đoạn khác nhau.

Như vậy rừng luôn được coi là một phần không thể tách rời khỏi các triền ruộng bậc thang treo leo, vắt ngang lưng trùng núi, dù nằm xa hay gần thì rừng luôn là bộ phận quyết định sự phát triển cũng như sự lụi tàn của mỗi khu ruộng bậc thang. Bởi rừng sẽ bảo đảm cung cấp cho các khu ruộng nguồn nước tưới vô hạn, các khu rừng già luôn được coi là cái kho nước dự trữ khổng lồ nơi núi cao, vực sâu. Cũng chính từ vấn đề phát triển các khu ruộng bậc thang mà đã có nhiều khu rừng vừa nguyên sinh, vừa tái sinh được bảo vệ nguyên vẹn đến tận ngày nay trước sự tàn phá của con người.

Để có được những khu ruộng bậc thang tốt cho canh tác lúa thì yếu tố quan trọng đầu tiên là nguồn nước. Nước có tác một vai trò rất lớn đối với canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang, nếu không có nước thì không thể trồng cấy, nhưng để có đủ nước cho mỗi mùa vụ canh tác thì vấn đề bảo vệ các khu rừng tự nhiên là hết sức quan trọng.

3.2. Vấn đề bảo vệ rừng đối với canh tác nông nghiệp ruộng bậc thang:

Hầu hết các nguồn nước sử dụng trong canh tác ruộng bậc thang đều bắt nguồn từ các khu rừng già bao quanh khu vực họ sinh sống. Do ý thức được vấn đề liên quan đến nguồn nước sử dụng trong canh tác nông nghiệp nên vấn đề bảo vệ nguyên trạng đối với các khu rừng này là hết sức quan trọng, ở mỗi thôn bản của người Hà Nhì đều tự mình lập ra bản hương ước của riêng mình với những điều khoản về bảo vệ và nghiêm phạt đối với những hành vi mang tính phá hoại, gây tổn hại đến các khu rừng khoanh nuôi, bảo vệ của mình. *Trong hương ước của thôn Lao Chải quy định rõ mỗi thôn phải có ít nhất 2 người làm công việc bảo vệ rừng (mỗi năm thay một lần), ngoài ra thì các thành viên khác trong cùng thôn bản phải cùng có trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng. Đồng thời, trong hương ước cũng nêu rõ ngày mở cửa rừng, cấm chặt cây trong rừng, cấm lấy măng, săn bắn ở khu rừng cúng, rừng cấm. Ngoài ra hương ước cũng nêu rõ mức phạt người vi phạm phải nộp phạt là 36 kg lợn hơi, 36 kg gạo và 36 lít rượu (không phân ra vi phạm thể nào thì phạt ra sao, mà đều phải nộp phạt như nhau khi bị phát hiện), khi bị phạt các khoản nộp phạt này sẽ nộp cho hai người trông rừng dưới sự giám sát của thôn bản, sau dùng số rượu thịt này để mời các gia đình trong thôn ăn uống, một phần nhỏ được trích ra để trả công cho hai người trông rừng và người có công phát hiện.*

Như đã nói ở trên, tác động qua lại giữa các khu rừng nguyên sinh và tái sinh đối với canh tác nông nghiệp ruộng bậc thang là hết sức lớn. Với các khu ruộng vắt vẻo trên lưng trũng núi, không có hồ giữ nước để tưới tiêu cho mỗi mùa vụ đến thì các khu rừng chính là những chiếc hồ giữ nước tự nhiên hết sức hiệu quả của vấn đề này, đồng thời các khu rừng này cũng là những kho cung cấp nguồn phân bón tự nhiên vô tận rất tốt đối với mỗi khu ruộng và các dòng nước chảy từ rừng ra chính là chiếc cầu nối chuyên chở nguồn phân bón ấy cho các khu ruộng bậc thang phía dưới, để rồi vào mỗi vụ lúa lại giúp người dân không phải mang phân bón từ nhà đến các khu ruộng xa xôi ấy.

- Canh tác ruộng bậc thang với bảo vệ môi trường:

Trải qua quá trình nghiên cứu thực tế tại địa phương cho thấy, cuối những năm 90 của thế kỷ 20 trở về trước, do điều kiện kinh tế cũng như giao thông không thuận lợi nên việc sử dụng các loại phân bón hóa học cho cây lúa là không có, mà chủ yếu là phân gia súc, lá cây xanh. Phân bón gia súc chủ yếu phơi khô dùng cho cây hoa màu, còn cây lúa thì chỉ có thì chỉ có những thửa ruộng gần thôn bản mới có điều kiện bón phân. Đối với các khu ruộng cách thôn bản tới cả ngày đi bộ thì việc mang phân chuồng đi bón là không thể thực hiện được, nên tất cả là dựa vào tự nhiên. Nguồn phân bón tự nhiên của các khu ruộng bậc thang chủ yếu là từ lá rừng mục nát, từ các loại gia súc chăn thả trong rừng, trên đầu nguồn nước chúng theo dòng nước chảy vào các triền ruộng. Phân bón từ các loại gia súc chăn thả trên ruộng, nguồn phân bón từ các loại rơm rạ sau khi thu hoạch lúa đốt thành tro rồi ủ vào ruộng...

Tất cả đều mang đậm yếu tố tự nhiên, tự cung tự cấp cả trong canh tác nông nghiệp. Trong các mùa vụ canh tác người Hà Nhì không sử dụng phân bón hóa học như: Đạm Ure, Kali, phân Lân..., không sử dụng các loại thuốc trừ sâu cho cây lúa. Có thể thấy, với phương pháp canh tác hết sức thuần chất này đã góp phần rất lớn đối với vấn đề bảo vệ môi trường sống tự nhiên xung quanh học, xung quanh chúng ta trong một thời gian dài.

Nhưng hiện nay phương thức canh tác mang tính bền vững này của người dân đang bị thay đổi một cách nhanh chóng, qua khảo sát tại thôn Lao Chải, Chuản Thèn có tới hơn 90% số hộ sử dụng phân bón hóa học cho cây lúa, thường xuyên phun thuốc trừ sâu trong các mùa vụ, giống lúa đã cũ không còn được sử dụng đại trà, mà thay vào đó là các giống lúa mới như Nhị ưu 838..., cho năng suất cao nhưng thường xuyên bị sâu bệnh phá, khả năng chịu khô hạn kém nên thường xuyên phải chăm sóc, bón phân. Vì người dân không có thói quen bón phân chuồng cho lúa

nên phải sử dụng nhiều phân bón hóa học. Đây được coi là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phục hồi của đất sau mỗi vụ cấy, đất nhanh bị chai, bạc màu. Sử dụng thuốc trừ sâu thường xuyên cũng đã làm cho không khí, nguồn nước bị ô nhiễm, nhiều loại sinh vật sống dưới các con suối như tôm, cá... cũng dần ít đi. Vấn đề ô nhiễm môi trường sẽ càng ra tăng nếu ngay từ bây giờ không có chiến lược tuyên truyền, khuyến khích người dân ít sử dụng hóa chất trong cây trồng, hướng đến bảo vệ môi trường theo hướng bền vững thì sẽ là quá muộn.

Đây đang là vấn đề hết sức quan trọng, nhận được sự quan tâm lớn của các nhà bảo vệ môi trường trong và ngoài tỉnh Lào Cai. Để giúp người dân có được nhận thức đúng đắn và hợp tác trong vấn đề bảo vệ môi trường thì không gì tốt hơn là giúp họ phát triển kinh tế, phát triển xã hội, giáo dục...

Kết luận

1. Người Hà Nhì đen ở Lào Cai có cơ chế bảo vệ rừng chặt chẽ để mang lại nguồn nước, nguồn phân bón cho các trảng ruộng bậc thang, là bộ phận không thể tách rời khỏi ruộng bậc thang. Do đó, họ vừa sử dụng sức mạnh của sự thiêng hoá các quan niệm ứng xử với rừng, vừa xây dựng các khu rừng cấm, rừng thiêng của cộng đồng để bảo vệ các khu rừng, bảo vệ môi trường xanh đẹp xung quanh. Đồng thời mỗi “Pu” của người Hà Nhì còn có bộ máy quản lý bảo vệ rừng hiệu quả (vai trò của Mí Cù, La Chạ, Già làng, Trưởng bản). Mặt khác, chế tài xử phạt nghiêm khắc cũng có tác dụng răn đe, cưỡng chế mọi thành viên trong cộng đồng tuân theo.

Hiện nay chúng ta có thể khái quát cơ chế bảo vệ rừng thể hiện bằng công thức sau: Bảo vệ rừng = Thiêng hoá niềm tin của cộng đồng + Bộ máy quản lý đại diện cả cộng đồng và thần linh + Chế tài xử phạt nghiêm khắc.

2. Tri thức dân gian trong vấn đề khai khẩn đất nương rẫy, ruộng bậc thang của người Hà Nhì ở Lào Cai được gìn giữ từ đời này sang đời khác, điều này được thể hiện thông qua những câu tục ngữ, câu nói truyền khẩu từ đời này qua đời khác nhằm phát triển kinh tế, xã hội. Những tri thức mang tính dân gian này vẫn được phát huy trong canh tác nông nghiệp của họ, điều này có tác dụng rất lớn đối với vấn đề bảo vệ môi trường sống xung quanh.

3. Hiện nay, ở một số vùng người Hà Nhì, xuất hiện tình trạng cư trú đan xen với các tộc người khác, do mật độ dân số tăng cao và do trình độ nhận thức được nâng lên, nên vấn đề giải thiêng đã xảy ra trong xã hội. Hiện tượng phá rừng đã xuất hiện nhiều hơn và đang ngày một gia tăng.

3. Trước thực trạng này cần phát huy các yếu tố tích cực trong tri thức bản địa của người Hà Nhì trong canh tác ruộng bậc thang, trong bảo vệ rừng. Đồng thời cần

duy trì và có chính sách bảo vệ các khu rừng công (kể cả rừng cấm, rừng thiêng), chính sách đề cao quyền sở hữu của cộng đồng với rừng, trao quyền quản lý rừng công lâu dài cho cộng đồng người Hà Nhì để giúp cho việc canh tác luôn đạt kết quả tốt.

4. Xây dựng và phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại các vùng người Hà Nhì cư trú nhằm giúp người Hà Nhì phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Xây dựng trong họ ý thức bảo vệ môi trường rừng, môi trường tự nhiên xung quanh.

5. Bảo vệ sự phát triển của các khu ruộng bậc thang, bảo vệ các giống lúa cổ truyền có sức chịu hạn tốt, chịu được sâu bệnh để giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học như hiện nay. Kiên cố hóa hệ thống mương dẫn nước vào các thửa ruộng bậc thang, không để xảy ra hiện tượng vỡ, lở hệ thống mương máng dẫn nước.